TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - CT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 93/2026/QĐST-HNGĐ	*CT, ngày 09 tháng 03 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 70/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Tuyết T**, sinh năm: 1981.

CCCD số: 094181015727 cấp ngày 22/11/2021.

Địa chỉ: Tổ 8, ấp Thới B, xã Phong Đ, thành phố CT.

Bị đơn: Ông **Đỗ Trung T**, sinh năm: 1980.

CCCD số: 075080000111 cấp ngày 22/11/2021.

Địa chỉ: Tổ 8, ấp Thới B, xã Phong Đ, thành phố CT.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 02 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 02 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Tuyết T và ông Đỗ Trung T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Tuyết T và ông Đỗ Trung T thống nhất thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Có 02 con chung là cháu Đỗ Thành Đ (nam), sinh ngày 17/11/2012 và cháu Đỗ Nguyễn Thanh X (nữ), sinh ngày 24/03/2007 (đã trưởng thành). Thống nhất để nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đỗ Thành Đ đến khi đủ 18 tuổi, không đặt vấn đề cấp dưỡng. Dành quyền, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bị đơn ông Đỗ Trung T theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở.

- *Về tài sản chung*: Cả hai khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

- *Về nợ chung*: Cả hai khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự yêu cầu.

3. *Về án phí*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết T tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0000790 ngày 13/01/2026 thành một phần án phí. Nguyên đơn được nhận lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 3 - CT. Không ai phải nộp thêm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự.
- VKSND cùng cấp;
- THADS cùng cấp;
- UBND xã Phong Đ, thành phố CT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Kim Xuân